Phụ biểu 01

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN IA H'DRAI

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư/ Dự kiến chủ đầu tư	Dự kiến quy mô đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Các thông tin khác có liên quan (nếu có)	Quyết định đầu tư	Dự kiến Tổng mức đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Tổng số dự án	Dự án dự kiến thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*			
	TỔNG SỐ							**173.928,900**	**141.150,000**	**174.035,750**	**141.150,000**	**51**	**30**	
1	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**							**13.637,800**	**12.398,000**	**13.637,800**	**12.398,000**	**12**		
1	Hỗ trợ nhà ở	UBND xã Ia Dom		Xã Ia Dom	2022-2025			130,900	119,000	130,900	119,000	x		
2	Hỗ trợ nhà ở	UBND xã Ia Đal		Xã Ia Đal	2022-2025			917,400	834,000	917,400	834,000	x		
3	Hỗ trợ nhà ở	UBND xã Ia Tơi		Xã Ia Tơi	2022-2025			523,600	476,000	523,600	476,000	x		
4	Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất							2.242,900	2.039,000	2.242,900	2.039,000			Chưa phân bổ chi tiết
5	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 7 mở rộng thôn 3	UBND xã Ia Đal	Đầu tư giếng khoan, bể chứa nước, hệ thống ống dẫn nước sạch về điểm cấp nước và các hạng mục phụ trợ khác	Thôn 3, Xã Ia Đal	2022		QĐ số 339/QĐ-UNND ngày 11/10/2022 của UBND huyện	709,500	645,000	709,500	645,000	x		
6	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 7	UBND xã Ia Đal	Đầu tư giếng khoan, bể chứa nước, hệ thống ống dẫn nước sạch về điểm cấp nước và các hạng mục phụ trợ khác	Thôn 7, Xã Ia Đal	2022		QĐ số 340/QĐ-UNND ngày 11/10/2022 của UBND huyện	709,500	645,000	709,500	645,000	x		
7	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 6 thôn 3	UBND xã Ia Đal	Đầu tư giếng khoan, bể chứa nước, hệ thống ống dẫn nước sạch về điểm cấp nước và các hạng mục phụ trợ khác	Thôn 3, Xã Ia Đal	2023		Quyết định số 421/QĐ-UNND ngày 09/12/2022 của UBND huyện	723,800	658,000	723,800	658,000	x		
8	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 6	UBND xã Ia Đal	Đầu tư giếng khoan, bể chứa nước, hệ thống ống dẫn nước sạch về điểm cấp nước và các hạng mục phụ trợ khác	Thôn 6, Xã Ia Đal	2023		Quyết định số 422/QĐ-UNND ngày 09/12/2022 của UBND huyện	622,600	566,000	622,600	566,000	x		
9	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 4	UBND xã Ia Đal	Đầu tư giếng khoan, bể chứa nước, hệ thống ống dẫn nước sạch về điểm cấp nước và các hạng mục phụ trợ khác	Thôn 4, Xã Ia Đal	2023		Quyết định số 423/QĐ-UNND ngày 09/12/2022 của UBND huyện	1.218,800	1.108,000	1.218,800	1.108,000	x		
10	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 1	UBND xã Ia Đal	Đầu tư giếng khoan, bể chứa nước, hệ thống ống dẫn nước sạch về điểm cấp nước và các hạng mục phụ trợ khác	Thôn 1, Xã Ia Đal	2023-		Quyết định số 424/QĐ-UNND ngày 09/12/2022 của UBND huyện	1.282,600	1.166,000	1.282,600	1.166,000	x		
11	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Ia Der	UBND xã Ia Đal	Đầu tư giếng khoan, bể chứa nước, hệ thống ống dẫn nước sạch về điểm cấp nước và các hạng mục phụ trợ khác	Thôn Ia Der, Xã Ia Đal	2024			1.282,600	1.166,000	1.282,600	1.166,000	x		
12	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 8 xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Đầu tư mới 02 giếng khoan, hệ thống đường ông và bể chứa	Thôn 8, xã Ia Tơi	2022		QĐ số 342/QĐ-UNND ngày 11/10/2022 của UBND huyện	1.420,100	1.291,000	1.420,100	1.291,000	x		
13	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Đầu tư mới 02 giếng khoan, hệ thống đường ông và bể chứa	Thôn 7, xã Ia Tơi	2023-		QĐ số 341/QĐ-UNND ngày 11/10/2022 của UBND huyện	1.853,500	1.685,000	1.853,500	1.685,000	x		
2	**Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**							**60.707,000**	**50.171,000**	**60.707,000**	**50.171,000**	**1**		

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư/ Dự kiến chủ đầu tư	Dự kiến quy mô đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Các thông tin khác có liên quan (nếu có)	Quyết định đầu tư	Dự kiến Tổng mức đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Tổng số dự án	Dự án dự kiến thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*			
1	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	Ban quản lý ĐT&XD	*- Phần đường giao thông: Chiều dài xây dựng L= khoảng 3,57Km (bao gồm các tuyến trong phạm vi đồ án và các đoạn vuốt nối với hiện hữu đi khu dân cư, khu sản xuất,...).* *- Phần san nền: San nền trong phạm vi dự án khoảng 34,5Ha. Phạm vi, cao độ san nền tùy điều kiện cụ thể từng vị trí.* *- Phần hệ thống điện: Đường dây trung áp L= khoảng 2053m; Trạm biến áp phụ tải: Tổng công suất: 750KVA/3 trạm; Đường dây hạ áp 0,4kV khoảng L = khoảng 5007m; Đường chiếu sáng công cộng khoảng L= khoảng 4907m.* *- Phần cấp nước sinh hoạt: Đầu tư 06 giếng khoan sâu khoảng 120m: Có cấu tạo lỗ khoan khoảng D168mm sâu 15m; D150mm sâu 25m và D130mm sâu 80m. Tại chiều sâu khoan khoảng 15m ban đầu sử dụng ống chống bằng nhựa PVC D140mm để giữ cho thành lỗ khoan không bị sụt lở; Đường dây điện cấp điện tới tủ điện và cấp tới máy bơm.*	Thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi	2022-2024		QĐ số 417/QĐ-UNND ngày 05/12/2022 của UBND huyện	60.707,00	50.171,00	60.707,00	50.171,00	x		
3	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**							**75.356,300**	**59.043,000**	**75.463,150**	**59.043,000**	**31**	**29**	
3.1	**Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**							**75.356,300**	**59.043,000**	**75.463,150**	**59.043,000**	**31**	**29**	
1	Đường GTNT Làng thanh niên thôn 3, xã Ia Dom (Giai đoạn 1)	UBND xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 0,9 km,bê tông dày 18 cm, lớp đệm cát, sỏi 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 3, xã Ia Dom	2022		QĐ số 56/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND xã Ia Dom	1.680,000	1.400,000	1.680,000	1.400,000	x	x	
2	Điểm trường mầm non tại điểm dân cư số 4 (thôn 3, xã Ia Dom)	UBND xã Ia Dom	Theo thiết kế mẫu	Thôn 3, xã Ia Dom	2022		QĐ số 57/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND xã Ia Dom	879,600	733,000	879,600	733,000	x	x	
3	Xây dựng nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng thôn 4, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Theo thiết kế mẫu	Thôn 4, xã Ia Dom	2023-		Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND xã Ia Dom	400,000	100,000	400,000	100,000	x	x	
4	Đường GTNT Làng thanh niên thôn 3, xã Ia Dom (Giai đoạn 2)	UBND xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 0,6 km,bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 3, xã Ia Dom	2023-		Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của UBND xã Ia Dom	1.035,000	900,000	1.035,000	900,000	x	x	
5	Đường ngõ xóm khu vực NT1-2, thôn 3, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 0,4 km, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 3, xã Ia Dom	2023-		Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 7/9/2023 của UBND xã Ia Dom	736,000	640,000	736,000	640,000	x	x	
6	Đường ngõ xóm khu vực NT1-1, thôn 3, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 0,3 km, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 3, xã Ia Dom	2023-		Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 7/9/2023 của UBND xã Ia Dom	552,000	480,000	552,000	480,000	x	x	
7	Đường vào khu sản xuất 3 thôn 2, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 2,6 km, bê tông dày 18 cm. lớp đệm cát, sỏi 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 2, xã Ia Dom	2024-			4.715,000	4.100,000	4.715,000	4.100,000	x	x	
8	Điểm trường tiểu học tại điểm dân cư số 4 (thôn 3, xã Ia Dom)	UBND xã Ia Dom	Theo thiết kế mẫu	Thôn 3, xã Ia Dom	2024-			2.242,500	1.950,000	2.242,500	1.950,000	x	x	
9	Đường GTNT thôn 3, xã Ia Dom (Khu vực điểm dân cư số 4)	UBND xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 1km, bê tông dày 18 cm, lớp đệm cát, sỏi 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 3, xã Ia Dom	2025			1.779,050	1.547,000	1.779,050	1.547,000	x	x	
10	Đường GTNT thôn 6 (sau sân vận động thôn 6)	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 320 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, BT M250, đá 2x4	Thôn 6, Xã Ia Đal	2022		QĐ số 121/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND xã Ia Đal	553,200	461,000	553,200	461,000	x	x	

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư/ Dự kiến chủ đầu tư	Dự kiến quy mô đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Các thông tin khác có liên quan (nếu có)	Quyết định đầu tư	Dự kiến Tổng mức đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Tổng số dự án	Dự án dự kiến thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*			
11	Đường GTNT thôn Ia Đal (Điểm dân cư số 10 mở rộng)	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 320 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, BT M250, đá 2x4	Thôn Ia Đal, Xã Ia Đal	2022		QĐ số 122/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND xã Ia Đal	553,200	461,000	553,200	461,000	x	x	
12	Đường GTNT thôn Chư Hem (điểm dân cư mới công ty cổ phần cao su Sa Thầy)	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 836 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, BT M250, đá 2x4	Thôn Chư Hem, Xã Ia Đal	2022		QĐ số 123/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND xã Ia Đal	1.444,800	1.204,000	1.444,800	1.204,000	x	x	
13	Đường GTNT thôn Chư Hem (Đường vào Dốc Đó)	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 1.032 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn Chư Hem, Xã Ia Đal	2023-		Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Đal	1.821,600	1.584,000	1.821,600	1.584,000	x	x	
14	Đường nội thôn điểm dân cư số 6, thôn 3	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 266 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 3 Xã Ia Đal	2023-		Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Đal	530,150	461,000	530,150	461,000	x	x	
15	Đường GTNT từ thôn 7 đi thôn Ia Der	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 1340 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 7, Xã Ia Đal	2023-		Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Đal	2.865,800	2.492,000	2.865,800	2.492,000	x	x	
16	Đường GTNT thôn 6 (sau sân vận động thôn 6 (giai đoạn 2))	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 44 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 6, Xã Ia Đal	2024-			81,650	71,000	81,650	71,000	x	x	
17	Đường GTNT thôn 8 (Đường nội thôn Đội 7 - Thôn 8)	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 500 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 8, Xã Ia Đal	2024-			828,000	720,000	828,000	720,000	x	x	
18	Đường GTNT thôn 8 (Đường nội thôn Đội 8 - Thôn 8)	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 600 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 8, Xã Ia Đal	2024-			1.047,0	910,40	1.047,0	910,40	x	x	
19	Đường GTNT thôn Chư Hem (*đường vào Dốc Đó*), giai đoạn 2	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 500 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn Chư Hem, Xã Ia Đal	2024			774,64	673,60	774,64	673,60	x	x	
20	Đường GTNT thôn 2 (từ Tỉnh lộ 675A nối đường nội thôn 2)	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 450 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 2, Xã Ia Đal	2025			745,200	648,000	745,200	648,000	x	x	
21	Đường GTNT thôn 1 (Từ tỉnh lộ 675A đi đường tuần tra Biên giới)	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 1.475 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 1, Xã Ia Đal	2025			2.441,450	2.123,000	2.441,450	2.123,000	x	x	
22	Đường giao thông thôn đi bến đò làng nú Ia Dơr xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Đường cấp B; chiều dài khoảng 1.099,34 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, M250, đá 1x2	Thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi	2022		QĐ số 154/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND xã Ia Tơi	2.457,55	2.137,00	2.564,40	2.137,00	x	x	
23	Đường giao thông đi nghĩa trang thôn 7, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 1,502 m chiều dài khoảng 1,2 km, BTXM đá 1x2 M250 dày 18 cm, lót giấy dầu 1 lớp, Cấp phối đá dăm dày 12 cm và các hạng mục khác	Thôn 7	2023-		161/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Tơi	2.613,95	2.273,00	2.613,95	2.273,00	x	x	
24	Đường giao thông thôn đi sản xuất 9 xã Ia Tơi (đoạn đấu nối Tl 675A đi sản xuất)	UBND xã Ia Tơi	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 1,414,1 m chiều dài khoảng 1 km, BTXM đá 1x2 M250 dày 18 cm, lót giấy dầu 1 lớp, Cấp phối đá dăm dày 12 cm và các hạng mục khác	Thôn 9	2023-		162/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Tơi	2.576,00	2.240,00	2.576,00	2.240,00	x	x	
25	Đường giao thông nội bộ thôn 1, điểm dân cư số 44	UBND xã Ia Tơi	Đường cấp B; chiều dài khoảng 800 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, M250, đá 1x2	Thôn 9, xã Ia Tơi	2024-			1.472,000	1.280,000	1.472,000	1.280,000	x	x	
26	Đường giao thông nông thôn đi khu sản xuất số 1 thôn 7 (bên phải tuyến QL 14C đoạn nông trường cao su số 1 Chưmomray)	UBND xã Ia Tơi	Đường cấp B; chiều dài khoảng 1.400 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, M250, đá 1x2	Thôn 7, xã Ia Tơi	2024-			2.576,000	2.240,000	2.576,000	2.240,000	x	x	

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư/ Dự kiến chủ đầu tư	Dự kiến quy mô đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Các thông tin khác có liên quan (nếu có)	Quyết định đầu tư	Dự kiến Tổng mức đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Tổng số dự án	Dự án dự kiến thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*			
27	Nhà văn hóa thôn Ia Dơr	UBND xã Ia Tơi	Theo thiết kế mẫu Tổng diện tích xây dựng: 96,0 m2. Trong đó: Diện tích phòng họp + sân khấu: 70m2 (sức chứa tối đa 50 chỗ: 1m2/chỗ); Diện tích chiếm chỗ của kết cấu và các diện tích phụ trợ khác: 26,0m2.	Thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi	2024-			115,000	100,000	115,000	100,000	x	x	
28	Điểm trường mầm non thôn Ia Dơr	UBND xã Ia Tơi	Theo thiết kế mẫu Nhà lớp học 02 phòng + phòng nghỉ giáo viên (kết hợp làm chỗ nghỉ cho học sinh khi ốm).	Thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi	2025			1.725,000	1.500,000	1.725,000	1.500,000	x	x	
29	Nhà văn hóa thôn 1	UBND xã Ia Tơi	Theo thiết kế mẫu Tổng diện tích xây dựng: 96,0 m2. Trong đó: Diện tích phòng họp + sân khấu: 70m2 (sức chứa tối đa 50 chỗ: 1m2/chỗ); Diện tích chiếm chỗ của kết cấu và các diện tích phụ trợ khác: 26,0m2.	Thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi	2025			115,000	100,000	115,000	100,000	x	x	
30	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ia Đal đi xã Ia Dom *(Đoạn 1: Từ thôn 3 đi thôn Ia Muung, qua xã Ia Dom, dài khoảng 07 Km và Đoạn 2: Từ thôn Chư Hem đi thôn 6 qua xã Ia Đal, dài khoảng 06 Km)*	Ban quản lý ĐT&XD	Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, Cấp IV; Loại, cấp đường: Đường giao thông nông thôn, cấp B; Chiều dài xây dựng khoảng 13km; Vận tốc thiết kế: Vtk = 20 Km/h; Độ dốc dọc lớn nhất: Idmax=15%; Bề rộng nền đường: Bn = 5,0m; Bề rộng mặt đường: Bm = 3,5m; Bề rộng lề đường: Bl= 2x0,75m=1,5m; Kết cấu mặt đường: Bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 dày khoảng 18cm trên móng cát sỏi dày khoảng 12cm (hoặc trên nền đường cũ được bù phụ cát sỏi (nếu có)); Tải trọng trục xe thiết kế: 2,5T; Thoát nước dọc: Dùng rãnh hở, hình tam giác kích thước (90x30)cm; Thoát nước ngang: Tận dụng các cầu, cống còn tốt, sửa chữa và nối cống để đảm bảm phù hợp với nền đường. Thiết kế mới các vị trí bị hỏng, vị trí thiết yếu, không đảm bảo khả năng thoát nước. Kết cấu bằng cống tròn, cống bản, cống hộp các loại bằng BT, BTCT; An toàn giao thông: Tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT	Xã Ia Dom - Ia Đal	2022-2024		QĐ số 332/QĐ-UNND ngày 29/9/2022 của UBND huyện	30.000,00	20.600,00	30.000,00	20.600,00	x		
31	Chợ trung tâm xã Ia Đal	Ban quản lý ĐT&XD	Nhà lồng chính, diện tích khoảng: 459 m^2;Nhà quản lý, diện tích: khoảng 20 m^2;Khu vệ sinh chung, diện tích khoảng: 29 m^2; Các hạng mục phụ trợ khác: Sân đường nội bộ, diện tích khoảng: 935m^2; Hệ thống cấp điện tổng thể, cấp nước tổng thể, thoát nước mưa; xử lý nước thải; San nền diện tích khoảng 2.400 m^2, kè chắn đất dài khoảng 95,5 m.	Ia Đal	2023		QĐ số 329/QĐ-UNND ngày 29/9/2022 của UBND huyện	4.000,00	2.914,00	4.000,00	2.914,00	x		
4	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**							**22.000,000**	**17.741,000**	**22.000,000**	**17.741,000**	**2**		
4.1	**Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số**							**22.000,000**	**17.741,000**	**22.000,000**	**17.741,000**	**2**		
1	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành	Ban quản lý ĐT&XD	Nhà 12 phòng học thông thường và phòng học bộ môn (02 tầng), diện tích khoảng: 996 m2; nhà bếp ăn (01 tầng), diện tích khoảng: 162m2 và các hạng mục phụ trợ khác.	Xã Ia Tơi	2022-2024		QĐ số 330/QĐ-UNND ngày 29/9/2022 của UBND huyện	10.500,00	8.500,00	10.500,00	8.500,00	x		
2	Trường TH-THCS Hùng Vương	Ban quản lý ĐT&XD	- Điểm trường Tiểu học: Nhà bếp ăn diện tích diện tích Khoảng: 162 m2 và các hạng mục phụ trợ: Sân đường nội bộ diện tích khoảng: 415m2; hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước '- Điểm trường Trung học cơ sở: Nhà 08 phòng học (02 tầng) diện tích khoảng: 688m2; nhà 04 phòng học bộ môn diện tích khoảng: 324m2; nhà vệ sinh diện tích khoảng: 34,5m2 và các hạng mục phụ trợ khác.	Xã Ia Đal	2022-2024		QĐ số 331/QĐ-UNND ngày 29/9/2022 của UBND huyện	11.500,00	9.241,00	11.500,00	9.241,00	x		
5	**Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**							**785,700**	**486,000**	**785,700**	**486,000**	**3**	**1**	

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư/ Dự kiến chủ đầu tư	Dự kiến quy mô đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Các thông tin khác có liên quan (nếu có)	Quyết định đầu tư	Dự kiến Tổng mức đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Tổng số dự án	Dự án dự kiến thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*			
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (xây dựng mới và cải tạo nhà văn hóa, khu thể thao)	UBND xã Ia Đal	Xây dựng sân bê tông nhà văn hóa, sân bê tông sân thể thao thôn 3 xã Ia Đal	Xã Ia Đal	2022		QĐ số 125/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND xã Ia Đal	96,800	88,000	96,800	88,000	x		
2	Xây dựng nhà văn hóa, công trình phụ trợ khác, sân thể thao thôn 4 Ia Đal	UBND xã Ia Đal	Nhà văn hóa: Tổng diện tích xây dựng: 93m2; diện tích phòng sinh hoạt: 70m2 (sức chứa tối đa 50 chỗ). Diện tích chiếm chỗ của kết cấu và các diện tích phụ trợ khác: 23m2. Sân bóng chuyền: Diện tích 162m2	Thôn 4, Xã Ia Đal	2023		Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Đal	470,000	199,000	470,000	199,000	x		
3	Xây dựng nhà văn hóa công trình phụ trợ khác, sân thể thao, thôn 9 xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Theo thiết kế mẫu Tổng diện tích xây dựng: 96,0 m2. Trong đó: Diện tích phòng họp + sân khấu: 70m2 (sức chứa tối đa 50 chỗ: 1m2/chỗ); Diện tích chiếm chỗ của kết cấu và các diện tích phụ trợ khác: 26,0m2.	Thôn 9, Xã Ia Tơi	2024			218,90	199,00	218,90	199,00	x	x	
6	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**							**1.442,100**	**1.311,000**	**1.442,100**	**1.311,000**	**2**		
6.1	**Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**							**1.442,100**	**1.311,000**	**1.442,100**	**1.311,000**	**2**		
1	Hỗ trợ thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	Phòng GD&ĐT	Đầu tư, mua sắm thiết bị chính (01 cái Tivi Thông minh 4K AIKYO AID-UHD86E; 01 Amplifier Laikeisi DMR800D; 01 cặp Loa ENB WF-12; 01 bộ Microphone Sssound ST-860D); Thiết bị phụ trợ (01 cái Ổn áp Lioa 10KVA -SH-10000 new 2020; 01 Router Wifi Tp-Link Archer Ax10 chuẩn Wifi 6AX1500; 01 hiết Bị Mạng Router MIKROTIK RB760iGS; 01 bộ Bàn phím+ chuột không dây Logitech; 01 cái Khung treo tivi di động; 01 cái Tủ âm thanh); Vật tư phụ trợ và công lắp đặt	Xã Ia Đal - xã Ia Tơi	2022-2023		QĐ số 267/QĐ-UNND ngày 28/10/2022; Quyết định số 424/QĐ-UNND ngày 09/12/2022 của UBND huyện	489,500	445,000	489,500	445,000	x		
					2024-2025			952,600	866,000	952,600	866,000	x		Chưa phân bổ chi tiết

Phụ biểu 02

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN IA H'DRAI

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư/Dự kiến chủ đầu tư	Dự kiến quy mô đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Các thông tin khác có liên quan (nếu có)	Quyết định đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Tổng số dự án	Dự án dự kiến thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*			
	Tổng cộng							**206.203,402**	**184.389,000**	**205.797,052**	**184.389,000**	**18**	**12**	
I	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**							**206.203,402**	**184.389,000**	**205.797,052**	**184.389,000**	**18**	**12**	
I.1	**Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**							**206.203,402**	**184.389,000**	**205.797,052**	**184.389,000**	**18**	**12**	
1	Đường vào nghĩa trang thôn 1 xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 2,5km, đá 1x2, M250, chiều dày lớp đệm cát, sỏi 12cm, bê tông dày 18cm	Thôn 1, xã Ia Dom	2022		Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND xã Ia Dom	4.187,150	3.641,000	4.005,100	3.641,000	x	x	
2	Đường GTNT làng thanh niên thôn 3, xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 0,8km.đá 1x2, M250, chiều dày lớp đệm cát 12cm, bê tông dày 18cm	Thôn 3, xã Ia Dom	2023		Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 21/03/2023 của UBND xã Ia Dom	1.472,000	1.280,000	1.408,000	1.280,000	x	x	
3	Đường vào khu sản xuất số 1 thôn 1, xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 1,2km.đá 1x2, M250, chiều dày lớp đệm cát 12cm, bê tông dày 18cm	Thôn 1xã Ia Dom	2023		Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 15/06/2023 của UBND xã Ia Dom	2.112,000	1.920,000	2.112,000	1.920,000	x	x	
4	Đường vào khu sản xuất số 1, thôn Ia Muung, xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 1,35km.đá 1x2, M250, chiều dày lớp đệm cát, sỏi 12cm, bê tông dày 18cm	Thôn Ia Muung, xã Ia Dom	2024			2.392,500	2.175,000	2.393,600	2.175,000	x	x	
5	Đường GTNT thôn 4 (Điểm dân cư số 11 C.Ty CP Sâm Ngọc Linh)	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 1.120 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm, Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 4, xã Ia Đal	2022		Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND xã Ia Đal	1.934,400	1.612,000	1.773,000	1.612,000	x	x	
6	Đường GTNT thôn 3 (Điểm dân cư số 7 mở rộng)	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 2.752 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm, Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 3, xã Ia Đal	2022-2023		Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND xã Ia Đal	4.118,000	3.744,000	4.118,000	3.744,000	x	x	
7	Đường GTNT thôn Ia Der Giai đoạn 1 (Đường vào đội 12)	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 3200 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm, Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn Ia Der, xã Ia Đal	2023-2024		Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Đal	4.752,000	4.320,000	4.752,000	4.320,000	x	x	
8	Đường GTNT thôn Ia Der Giai đoạn 2 (Đường vào đội 12)	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 1.300 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm, Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn Ia Der, xã Ia Đal	2024			1.901,000	1.728,000	1.901,000	1.728,000	x	x	
9	Đường GTNT thôn 5, đường vào đội 2 đội 3 chi nhánh 716	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 800 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm, Cấp phối lớp đệm cát 12cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 5, xã Ia Đal	2025			1.341,000	1.219,000	1.341,000	1.219,000	x	x	
10	Đường giao thông thôn đi bến đò làng Dom thôn 9, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Đường cấp B; chiều dài khoảng 2.078,51 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, M250, đá 1x2	Thôn 9 xã Ia Tơi	2022		Quyết định số 80/QĐ-UBND xã Ia Tơi ngày 04/8/2022	4.005,100	3.641,000	4.005,100	3.641,000	x	x	
11	Đường giao thông thôn làng nú đi điểm dân cư số 66 thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Đường cấp B; chiều dài khoảng 2.500 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, M250, đá 1x2	Thôn 9 xã Ia Tơi	2023-2024		163/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Tơi	4.995,500	4.475,000	4.995,500	4.475,000	x	x	
12	Đường giao thông thôn đi sản xuất thôn 7, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Đường cấp B; chiều dài khoảng 612,13 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, M250, đá 1x2	Thôn 7 xã Ia Tơi	2023		164/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Tơi	990,000	900,000	990,000	900,000	x	x	

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư/Dự kiến chủ đầu tư	Dự kiến quy mô đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Các thông tin khác có liên quan (nếu có)	Quyết định đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Tổng số dự án	Dự án dự kiến thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*			
13	Đầu tư Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện	Ban quản lý ĐT&XD	'Nhà học 6 phòng học diện tích khoảng 709m2, nhà học 4 phòng học bộ môn diện tích khoảng 470,4m2, nhà hiệu bộ diện tích khoảng 283,92m2, nhà bếp ăn diện tích khoảng 140,4 m2, nhà đa năng diện tích khoảng 190,8m2, nhà vệ sinh giáo viên diện tích khoảng 31,2m2 và các hạng mục phụ trợ khác	Ia Tơi	2022-2024		Quyết định số 292/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	22.000	20.000	22.000	20.000	x		
14	Đầu tư Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện	Ban quản lý ĐT&XD	San ủi mặt bằng: khoảng 13.676 m2, Cổng ra vào: 01 cái,Tường rào thoáng: khoảng 138 m, Tường rào lưới B40: khoảng 202 m, Nhà để xe học sinh: khoảng 110,7 m2, Nhà hiệu bộ: khoảng 563,94 m2, Nhà học 08 phòng THCS: khoảng 688,9 m2, Nhà học 10 phòng Tiểu học: khoảng 834,17 m2, Nhà vệ sinh (46,08m2/01 nhàx02 nhà) : khoảng 92,16 m2, Các hạng mục phụ trợ khác như: Sân đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước tổng thể, hệ thống cấp điện + PCCC... Thiết bị kèm theo dự án.	Ia Tơi	2022-2024		Quyết định số 290/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	30.268	27.799	30.268	27.799	x		
15	Nghĩa trang nhân dân huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV. Với diện tích khoảng 10ha, bao gồm; - Cổng: Trụ bê tông cốt thép. - Sân bê tông : khoảng 1500 m2 bằng BTXM đá 1*2 M250 dày 20cm - Đường giao thông, rãnh thoát nước nội bộ + Tổng chiều dài xây dựng các tuyến đườngnội bộ khoảng L = 2.084m + Rãnh thoát nước: BTXM đá 1*2 M150 dày 10cm đổ tại chỗ - Các công trình phụ trợ khác: Cổng thoát nước, rãnh chống rỉ nước,….". .	Ia Tơi	2022-2024		Quyết định số 289/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	5.035	4.662	5.035	4.662	x		
16	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện	Ban quản lý ĐT&XD	'Nhà văn hóa thể thao khoảng 1.151 m2, Sân bóng đá có nhân tạo khoảng 2.378 m2, Cổng, tường rào khoảng 673,36 m2, San ủi mặt bằng khoảng 22.364 m2 và các hạng mục phụ trợ khác như: Sân đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước tổng thể, hệ thống cấp điện + PCCC.... Thiết bị kèm theo dự án	Ia Tơi	2022-2024		Quyết định số 291/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	33.000	27.073	33.000	27.073	x		
17	Cầu suối đá huyện	Ban quản lý ĐT&XD	Chiều dài xây dựng khoảng L=692,00m (chiều dài cầu L=63m, chiều dài đường hai đầu cầu L=629,00m). a. Cầu: Thiết kế cầu qua lòng hồ hiện hữu. - Quy mô: Bê tông cốt thép vĩnh cửu. - Tần suất lũ thiết kế: P=1%. - Tải trọng thiết kế: HL93 và người đi bộ 3x10-3MPa. - Cầu gồm 02 nhịp giản đơn bằng dầm BTCT dự ứng lực; trên trụ T bố trí trụ tháp cao khoảng 15m, dây văng tạo thẩm mỹ và thiết kế điện chiếu sáng... - Sơ đồ cầu: Ln=2x24m. - Khổ cầu: B=2x9m+2x6m+2m=32,0m b. Đường 2 đầu cầu: + Điểm đầu Km85+796.29 Quốc lộ 14C. + Điểm cuối tại nút N38 (đường ĐĐT25 đã đầu tư). - Bề rộng nền đường: Bn=32m. - Bề rộng mặt đường: Bm=9x2=18m. - Bề rộng vỉa hè: Bvh=6x2=12m. - Bề rộng giải phân cách: Bgpc=2m. - Vận tốc thiết kế: Vtk=50Km/h. - Kết cấu mặt đường hai đầu cầu: Mặt đường bằng bê tông nhựa chặt rải nóng trên móng cấp phối đá dăm. - Mô đuyn đàn hồi mặt đường yêu cầu: Eyc >130Mpa. c. Và các hạng mục phụ trợ khác: Công trình thoát nước ngang, Công trình thoát nước dọc, vỉa hè, giải phân cách, hệ thống đường ống kỹ thuật, an toàn giao thông...	Ia Tơi	2022-2025		Quyết định số 288/QĐ-UBND huyện ngày 06/8/2022	77.000	70.000	77.000	70.000	x		

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư/Dự kiến chủ đầu tư	Dự kiến quy mô đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Các thông tin khác có liên quan (nếu có)	Quyết định đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Tổng số dự án	Dự án dự kiến thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*			
18	Đường ĐĐT36 (N66-N9)	Ban quản lý ĐT&XD	- Loại công trình: Công trình giao thông. Cấp IV. + Tuyến: - Chiều dài tuyến khoảng: L=315,3 m. - Bề rộng nền đường: Bn=12m; Bề rộng mặt đường: Bm=6m; Bề rộng lề: Bl=3x2=6m. - Kết cấu mặt đường: Mặt đường bằng bê tông nhựa chặt rải nóng dày khoảng 7cm trên móng cấp phối đá dăm dày khoảng 30cm. + Công trình thoát nước ngang: - Quy mô: Bê tông cốt thép vĩnh cửu. - Tần suất lũ thiết kế: P=4%. Tải trọng thiết kế: H30-XB80. Khổ cống: Bằng khổ nền đường. + Công trình thoát nước dọc: Bằng cống tròn BTCT ly tâm. + Vỉa hè: Lát gạch vĩa hè, trồng cây xanh trên vĩa hè. + An toàn giao thông: Thiết kế hoàn thiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41: 2019/BGTVT. + Nút giao: Nút giao cùng mức, vuốt nối êm thuận tại các vị trí giao cắt. + Hệ thống đường ống kỹ thuật: Tại các vị trí nút giao bố trí các đường ống cấp nước, thoát nước thải... dưới lòng đường để không đào mặt đường khi các dự án này triển khai.	Ia Tơi	2024-2025			4.700	4.200	4.700	4.200	x		

Phụ biểu 03

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN IA H'DRAI

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án/công trình	Dự kiến chủ đầu tư	Dự kiến quy mô đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Các thông tin khác có liên quan (nếu có)	Quyết định đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Tổng số dự án	Dự án dự kiến thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*			
TỔNG SỐ								**15.336,300**	**7.306,000**	**15.336,300**	**7.306,000**	**9**	**8**	
1	Đường vào khu sản xuất N1, thôn 1, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 0,56 km.Lớp đệm cát dày 3cm, bê tông dày 18cm,BTXM M250, đá 1x2	Thôn 1, xã Ia Dom	2022		Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND xã Ia Dom	875,350	427,000	875,350	427,000	x	x	
2	Đường GTNT vào nghĩa trang nhân dân thôn 3	UBND xã Ia Đal	Đường cấp B; chiều dài khoảng 2,24 km; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, BT M250, đá 1x2	Thôn 3, xã Ia Đal	2022		Quyết định số 65/QĐ-UBND xã Ia Đal ngày 05/8/2022 của UBND xã Ia Đal	3.582,600	1.706,000	3.582,600	1.706,000	x	x	
3	Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	Đường cấp B; chiều dài khoảng 1.634,5 m; nền 5m, mặt đường 3,5m, bê tông dày 18 cm. Cấp phối lớp đệm cát 3cm, M250, đá 1x2 và rãnh dọc gia cố 301,16	Thôn 9	2022		Quyết định số 81/QĐ-UBND xã Ia Tơi ngày 04/8/2022	3.582,600	1.706,000	3.582,600	1.706,000	x	x	
4	Đường GTNT số 1 thôn 2, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 0,1 km. Lớp đệm cát dày 3cm, bê tông dày 18cm, BTXM M250, đá 1x2	Thôn 2, xã Ia Dom	2022		Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND xã Ia Dom	164,000	80,000	164,000	80,000	x	x	
5	Đường vào khu sản xuất N2, thôn 1, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 0,49 km. Lớp đệm cát dày 3cm, bê tông dày 18cm,BTXM M250, đá 1x2	Thôn 1, xã Ia Dom	2022		Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND xã Ia Dom	760,550	371,000	760,550	371,000	x	x	
6	Đường vào khu sản xuất N3, thôn 1, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5 m chiều dài khoảng 1,075 km. Lớp đệm cát dày 12cm, bê tông dày 18cm,BTXM M250, đá 1x2	Thôn 1, xã Ia Dom	2023-		Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND xã Ia Dom	1.839,600	876,000	1.839,600	876,000	x	x	
7	Đường vào khu sản xuất số 2, thôn Ia Muung, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5m chiều dài khoảng 0,95km, lớp đệm cát, sỏi 12cm, BT M250, đá 1x2, bê tông dày 18cm	Thôn Ia Muung, xã Ia Dom	2023-		Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND xã Ia Dom	1.522,500	725,000	1.522,500	725,000	x	x	
8	Đường vào khu sản xuất số 3, thôn Ia Muung, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Đường cấp B, nền 5m, mặt đường 3,5m chiều dài khoảng 1,45 km, lớp đệm cát, sỏi 12cm, BT M250, đá 1x2, bê tông dày 18cm	Thôn Ia Muung, xã Ia Dom	2023-		Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của UBND xã Ia Dom	2.324,700	1.107,000	2.324,700	1.107,000	x	x	

TT	Danh mục dự án/công trình	Dự kiến chủ đầu tư	Dự kiến quy mô đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Các thông tin khác có liên quan (nếu có)	Quyết định đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Tổng số dự án	Dự án dự kiến thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó: Vốn NSTW*			
9	Công trình: cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 4,thôn 3 xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	Đầu tư giếng khoan, bể chứa nước, hệ thống ống dẫn nước sạch về điểm cấp nước và các hạng mục phụ trợ khác	Thôn 3, xã Ia Dom	2023-		Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND huyện	684,400	308,000	684,400	308,000	x		